

Bản án số: **85/2019/DS-PT.**

Ngày: 14-5-2019.

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**;

Các Thẩm phán: Bà **Ngô Thị Minh Trang**

Bà **Nguyễn Thị Kim Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Phan Tân** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959

Địa chỉ: Số 109, đường 2/9, khu phố 3, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Bà **Chung Thị K**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 410, khu phố Đ, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trịnh Văn B**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 410, khu phố Đ, phường M, thành phố H, tỉnh Kiên Giang

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

(Bà N, bà K, ông B đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Vào ngày 12/02/2018, bà Chung Thị K có đến nhà bà vay số tiền 40.000.000 đồng để mua bán, thời hạn vay 01 tháng, các bên có làm biên nhận

nhưng không thỏa thuận tiền lãi, đến ngày 27/02/2018 bà K có đưa cho bà tiền lãi 2.000.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ bà có yêu cầu bà K thanh toán số tiền trên nhưng bà K không thanh toán.

Nay bà yêu cầu bà K cùng chồng là ông Trịnh Văn B phải thanh toán cho bà số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/4/2018 đến ngày 28/9/2018 theo mức lãi suất 2,5% tháng bằng 5.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/9/2018 đến ngày 04/12/2018 theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

*** Bị đơn bà Chung Thị K trình bày:**

Vào tháng 12/2017, bà có vay của bà Nguyễn Thị M (con ruột của bà N) số tiền 20.000.000 đồng, tiền lãi 2.400.000 đồng/tháng, đến ngày 12/02/2018 bà có gặp bà M để xin vay thêm 20.000.000 đồng thì bà M có kêu bà đi qua gặp bà N để lấy 20.000.000 đồng, tiền lãi 200.000 đồng. Khi bà N đưa tiền cho bà thì bà có làm giấy vay tiền và cam kết trả nợ cho bà N với số tiền 40.000.000 đồng. Trong quá trình vay, bà đã đóng tiền lãi cho bà N được nhiều lần với tiền lãi là 50.400.000 đồng không phải là 2.000.000 đồng, việc bà vay số tiền trên chồng bà ông B hoàn toàn không biết vì số tiền vay này bà đưa cho anh hai của bà làm ăn bên Campuchia.

Nay bà thừa nhận còn nợ bà N tiền gốc 40.000.000 đồng, xin giảm tiền gốc và xin trả dần hàng tháng là 500.000 đồng và yêu cầu xem xét lại các khoản tiền lãi mà bà đã đóng.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn B trình bày:**

Việc vay tiền giữa vợ ông với bà Nguyễn Thị N ông không biết, sau khi bà N khởi kiện thì mới biết và ông có đến gặp bà N xin được giảm tiền gốc nhưng bà N không đồng ý. Nay bà N khởi kiện yêu cầu ông cùng với bà K thanh toán số tiền trên ông không đồng ý.

*** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1- Buộc bà Chung Thị K thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 551.000 đồng. Tổng tiền gốc và lãi là 40.551.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với tiền lãi không được chấp nhận là 3.167.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

*** Đến ngày 18/12/2018, bà Nguyễn Thị N kháng cáo:**

Yêu cầu buộc ông Trịnh Văn B phải có trách nhiệm liên đới cùng bà Chung Thị K trả nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi theo như bản án sơ thẩm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bà Nguyễn Thị N và vợ chồng bà Chung Thị K, ông Trịnh Văn B thống nhất:

Bà N đồng ý cho vợ chồng ông B, bà K trả tổng cộng số tiền là 30 triệu đồng, trong đó 20 triệu đồng trả vào ngày 01/7/2019; số tiền 10 triệu còn lại trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, thời gian trả từ ngày 01/8/2019. Việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đã đồng ý cho vợ chồng ông B, bà K trả nợ tổng cộng 30 triệu đồng, cụ thể: Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông B, bà K trả số tiền 20 triệu đồng vào ngày 01/7/2019. Số tiền còn lại 10 triệu đồng, phía vợ chồng ông B, bà K trả dần hàng tháng mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, việc giao nhận tiền do hai bên tự thực hiện; thời gian từ ngày 1/8/2019. Trường hợp phía ông B, bà K vi phạm nghĩa vụ thì bà N yêu cầu Cơ quan thi hành án thi hành theo quy định pháp luật. Xét thấy, sự tự thỏa thuận của các bên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà N, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, sửa Bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H theo hướng thỏa thuận trên của các bên đương sự, sửa lại phần án phí đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về nội dung:

Các bên đương sự đều xác định bà K có mượn bà N số tiền 40.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 12/2/2018, với thời gian vay 01 tháng, không thỏa thuận lãi suất vay. Do đến hạn trả nợ, bà K không thanh toán nên bà N khởi kiện yêu cầu bà K cùng chồng là ông Trịnh Văn B phải thanh toán số tiền vay 40.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc bà Chung Thị K thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tổng tiền gốc và lãi là 40.551.000 đồng.

Bà N kháng cáo yêu cầu ông B phải có trách nhiệm liên đới cùng bà K trả nợ cho bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N đồng ý cho vợ chồng ông B, bà K trả cho bà số nợ tổng cộng là 30 triệu đồng, trong đó 20 triệu đồng sẽ trả vào ngày 01/7/2019; số tiền 10 triệu đồng còn lại được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng, thời gian thực hiện từ ngày 01/8/2019 cho đến khi dứt nợ. Hai bên tự thực hiện việc giao nhận tiền.

Xét thấy sự tự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2018/DS-ST ngày 04/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Chung Thị K và ông Trịnh Văn B phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị N: 30.000.000 đồng x 5 % = 1.500.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000 đồng, theo biên lai thu số 0001323 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, bà N được nhận lại số tiền 825.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do nội dung kháng cáo của bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, bà N được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008806 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 – Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị N với bà Chung Thị K, ông Trịnh Văn B: Bà Nguyễn Thị N đồng ý cho ông Trịnh Văn B và bà Chung Thị K trả cho bà N tổng cộng số tiền là 30.000.000 (*ba mươi triệu*) đồng, cụ thể: 20.000.000 (*hai mươi triệu*) đồng trả vào ngày 01/7/2019; số tiền 10.000.000 (*mười triệu*) đồng còn lại trả dần mỗi tháng 500.000 (*năm trăm nghìn*) đồng, thời gian thực hiện từ ngày 01/8/2019 cho đến khi dứt nợ. Hai bên tự thực hiện việc giao nhận tiền.

Trường hợp ông B, bà K vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận thì bà N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thành phố H thi hành bản án theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với số tiền lãi 3.167.000 (*ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn*) đồng.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Chung Thị K, ông Trịnh Văn B có nghĩa vụ liên đới nộp án phí 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.125.000 đồng, theo biên lai thu số 0001323 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, bà N được nhận lại số tiền 825.000 (*Tám trăm hai mươi lăm nghìn*) đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng biên lai thu số 0008806 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tp. H;
- Chi cục THADS tp. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đã ký

Hoàng Thị Thu Hường